ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2019/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 14 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; số: 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; số: 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số: 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; số: 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải (tại Tờ trình số 58/TTr-SGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2019).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Cục

Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng (KCHT) và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng cung ứng dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên (gọi chung là doanh nghiệp vận tải).

3. Người sử dụng dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người có công cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang sinh sống, làm việc, học tập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên (gọi chung là chủ dự án).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

1. Dự án đầu tư phương tiện vận tải, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh, phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ giá vận chuyển, miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt trên cơ sở nguồn lực của tỉnh và được cân đối bố trí hàng năm.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện vận tải, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất vay vốn

a) Đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 4 Thông tư số

02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Doanh nghiệp vận tải trúng thầu hoặc đặt hàng và được Sở Giao thông vận tải Phú Yên ký hợp đồng khai thác tuyến theo quy định về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

c) Phương tiện vận tải đầu tư phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Trường hợp trên tuyến xe buýt có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách. Phương tiện phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất được tính trên tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng dự toán theo dự án được duyệt.

3. Mức hỗ trợ lãi suất

a) Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt: Hỗ trợ lãi suất 70% mức lãi suất theo hợp đồng vay vốn được ký kết giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng.

b) Dự án đầu tư phương tiện: Hỗ trợ lãi suất 50% mức lãi suất theo hợp đồng vay vốn được ký kết giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng.

4. Thời hạn hỗ trợ

Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng tối đa không quá 60 (sáu mươi) tháng đối với dự án đầu tư KCHT và 36 (ba mươi sáu) tháng đối với đầu tư phương tiện.

Điều 5. Miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Doanh nghiệp vận tải thực hiện miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 50% giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi là công dân Việt Nam.

3. Giảm 20% giá vé đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam hiện đang học tập tại các trường học, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Điều kiện để được miễn giảm giá vé

a) Người khuyết tật nặng hoặc đặt biệt nặng phải xuất trình Giấy chứng nhận (giấy xác nhận) của cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Người có công với cách mạng phải xuất trình giấy chứng nhận hoặc giấy tờ khác xác nhận là người có công với cách mạng.

c) Người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác (có hình ảnh) để chứng nhận là người cao tuổi.

d) Học sinh, sinh viên phải xuất trình thẻ học sinh, sinh viên do các trường học, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên cấp.

5. Doanh nghiệp vận tải lập bảng kê có xác nhận của người được giảm giá vé (Phụ lục kèm theo Quy định này) để làm cơ sở quyết toán kinh phí hỗ trợ giảm giá vé hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện vận tải, KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất, xác định phần dư nợ vay của chủ dự án sử dụng đúng mục đích đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi suất có hiệu quả, đúng mục đích.

c) Trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án trong đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt.

d) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

đ) Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, dự kiến kinh phí hỗ trợ giá vận chuyển, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo.

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính và UBND tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt của năm trước theo Phụ lục 3, Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải thực hiện thẩm định, có ý kiến về kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư phương tiện, KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

b) Trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông Vận tải, cân đối ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện hỗ trợ giá vận chuyển, lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

c) Cấp phát kinh phí hỗ trợ lãi suất cho dự án thực hiện theo quy định Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ

tướng Chính phủ. Sở Tài chính cấp phát kinh phí miễn giảm giá vé cho một số đối tượng tại Điều 5 qua Sở Giao thông Vận tải để hỗ trợ lại cho doanh nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn chủ dự án lập thủ tục về chấp thuận đầu tư để phát triển hệ thống KCHT phục vụ xe buýt.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát và bổ sung quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương để xây dựng khu quản lý điều hành, trạm sửa chữa bảo dưỡng, bãi đỗ xe, khu phục vụ công cộng và nhà lưu trú cho công nhân, kết hợp làm điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt.

b) Phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên bố trí quỹ đất và thực hiện chính sách miễn tiền thuê đất đối với các dự án phát triển hệ thống KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt.

5. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn chủ dự án lập các thủ tục và thực hiện việc miễn tiền thuê đất, lệ phí trước bạ phương tiện vận tải và các chính sách ưu đãi về thuế theo đúng quy định.

6. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ngành liên quan để hướng dẫn doanh nghiệp vận tải thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm giá vé dành cho một số đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với các sở, ngành liên quan quy hoạch, bố trí quỹ đất để đầu tư phát triển hệ thống KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt.

8. Chủ dự án

a) Lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, đầu tư KCHT phục vụ VTHKCC bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở vay vốn đầu tư và thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư theo quy định.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất và theo Quy định này; thực hiện hoàn trả số tiền hỗ trợ khi sử dụng vốn vay sai mục đích theo quy định của pháp luật.

c) Tổng hợp, thống kê số lượng vé, số tiền giảm giá vé dành cho một số đối tượng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Quy định này; lập đầy đủ thủ tục, lưu trữ hồ sơ để cơ quan nhà nước kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 7. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm

1. Xác nhận Bảng kê dư nợ vay, lãi vay hoặc các giấy tờ tương đương để làm cơ sở xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, phần dư nợ vay của chủ dự án tại tổ chức tín dụng trong hạn và đã được chủ dự án sử dụng đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt.

2. Chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của chủ dự án; Thông báo ngay cho Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, UBND cấp tỉnh khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích.

Điều 8. Xử lý trường hợp chủ dự án vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích